TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2022
"Về tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Lê Thị Hằng
2- Bà Lê Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐST–HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Hiền P, sinh năm: 1984. Địa chỉ: ấp 4 xã B, huyện B, tỉnh L.(có mặt)

Bị đơn: ông Phạm Đình B, sinh năm: 1986. Địa chỉ: ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh L.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-11-2021, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Hiền P trình bày: Bà P và ông Phạm Đình B được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận ĐKKH số 89/2011. Sau khi cưới bà P về sống chung gia đình ông B ở ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An được hai năm thì ông B bị bệnh AIDS, bà P không sống chung ông B từ năm 2013 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà P xin ly hôn với ông B. Về con chung, bà P và ông B không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là ông Phạm Đình B đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Huỳnh Thị Hiền P xin ly hôn với ông Phạm Đình B vì vậy xác định tranh chấp giữa bà P và ông B là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bị đơn là ông B đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà P, ông B và tài liệu đã thu thập xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B được xác lập vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới bà P về sống chung gia đình chồng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà P, Tòa án đã thông báo cho ông B biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho ông B và bà P giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông B không tham gia. Tại phiên tòa bà P kiên quyết xin ly hôn với ông B điều đó cho thấy hôn nhân giữa bà P và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Bà P và ông B không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà P phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hiền P đối với ông Phạm Đình B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hiền P được ly hôn với ông Phạm Đình B.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Hiền P phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002212 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Bà Huỳnh Thị Hiền P đã nộp đủ án phí. Ông Phạm Đình B không phải chịu án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Đình B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lưu Thủy